

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2021/DS-ST.

Ngày: 29-9-2021.

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản
và hụi”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Nhân;

Ông Võ Lâm Sơn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vĩnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 408/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1942; nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; xin xét xử vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc K, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp H, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 17/5/2021; xin xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T1, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt;

- *Người liên quan, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Ngọc A, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Ngọc K trình bày: Do quen biết, bà T có tham gia 04 dây hội do bà Trần Thị T1 làm chủ hội, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất, hội 1.000.000 đồng, hội gồm 23 hội viên, hội khai ngày 25/5/2019 âm lịch, bà T tham gia 02 phần hội. Bà T châu được 41.000.000 đồng, bà T1 có viết biên nhận nợ hội bà T số tiền 40.200.000 đồng ngày 25/4/2019 âm lịch.

Dây hội thứ hai, hội 500.000 đồng, hội gồm 23 hội viên, hội khai ngày 16/01/2019, bà T tham gia 1 phần, bà T châu được 23 lần, đến khi bà T được lĩnh hội thì bà T1 không đưa tiền, số tiền bà T đã châu hội cho bà T1 11.500.000 đồng, trong danh sách hội ghi tên “bà Tư”.

Dây hội thứ ba, hội 1.000.000 đồng, hội gồm 23 hội viên, hội khai ngày 16/01/2019, bà T tham gia 1 phần hội, bà T châu hội được 23 lần với số tiền 23.000.000 đồng, trong danh sách hội ghi tên “thiếu tư”.

Dây hội thứ tư, hội gồm 25 hội viên, hội khai ngày 10/11/2019, bà T tham gia 02 phần, bà T châu hội được 25 lần với tổng cộng số tiền 50.000.000 đồng, trong danh sách hội viên ghi tên “bà Tư”

Bà T1 có vay bà T số tiền 20.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận.

Khi tham gia hội bà T, bà T1 có lập danh sách hội viên, trong danh sách hội viên bà T1 ghi tên bà T “Bà Tư” hoặc “Thiếu Tư”. Tổng cộng số tiền hội và tiền vay bà T1 nợ bà T 144.700.000 đồng, bà T1 làm chủ hội để hưởng huê hồng lo cho kinh tế gia đình. Vì vậy, bà T yêu cầu bà Trần Thị T1, ông Dương Ngọc A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền hội còn nợ 147.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án ngày 05/7/2021 nguyên đơn yêu cầu rút lại số tiền hội ở dây hội 1.000.000 đồng, hội khai ngày 25/5/2019 âm lịch với số tiền 40.200.000 đồng, rút lại yêu cầu đối với số tiền vay 20.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà T1, ông Ân liên đới trả số tiền hội còn nợ bà 84.500.000 đồng

Bị đơn bà Trần Thị T1 đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T1 không gửi văn bản ghi ý kiến của bà về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Ngọc A trình bày: Ông, bà T1 là vợ chồng, việc bà T1 làm chủ hội, ông biết, số tiền huê hồng khi làm chủ hội là lo sinh hoạt phí trong gia đình. Bà T1 đã tuyên bố bề hội, ông thống nhất theo lời trình bày của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn về dây hội, thời gian khai hội, thời gian tuyên bố bề hội, số tiền hội còn nợ bà T.

Ông đồng ý cùng trách nhiệm liên đới với bà T1 trả cho bà T số tiền hui 84.500.000 đồng.

Người làm chứng bà Phạm Thị Bích H trình bày: Bà T có tham gia dây hui do bà T1 làm chủ hui, trong danh sách hui ghi tên bà T là “Bà tư” hoặc “Thiếu tư”, bà T chưa hốt hui. Hiện bà T1 đã tuyên bố bẻ hui và không khai hui nữa.

Bị đơn bà Trần Thị T1 đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T1 không gửi văn bản ghi ý kiến của bà về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Bị đơn bà Trần Thị T1 vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T

Buộc bà Trần Thị T1, ông Dương Ngọc A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà cho bà bà Phạm Thị T số tiền 84.500.000 đồng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền tiền hui còn nợ của nguyên đơn đây là tranh chấp dân sự hợp đồng và tranh chấp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T1, ông Dương Ngọc A trả tiền hui còn nợ. Đây là quan hệ tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hui theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[3]. Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn bà Phạm Thị T, bị đơn bà Trần Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Ngọc A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay người đại diện ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[4]. Về thu thập chứng cứ:

Bị đơn bà Trần Thị T1, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án có thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà và ông Dương Ngọc A có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hui 144.700.000 đồng. Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt theo quy định pháp luật, nhưng bà T1 không có ý kiến về chứng cứ nguyên đơn cung cấp, không có ý kiến phản bác hay phản tố lại yêu cầu của người khởi kiện và chứng cứ nguyên đơn thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

** Về nội dung vụ án:*

[5]. Về hợp đồng, yêu cầu khởi kiện: Giữa bà T, bà T1 có xác lập hui hình thức giao dịch bằng tiền. Tuy nhiên, bà T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hui viên như góp tiền hui cho bà T1, nhưng bà T1 đã tự ý ngưng khai hui và tuyên bố bế hui. Các bên thực hiện hui về hình thức giao dịch bằng tiền là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, do bà T1 vi phạm nghĩa vụ của chủ hui, tuyên bố bế hui nhưng không trả lại tiền hui cho nguyên đơn. Căn cứ Điều 357, 471 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[6]. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu rút lại yêu cầu đối với số tiền hui 40.200.000 đồng của dây hui 1.000.000 đồng, hui khai ngày 25/5/2019 âm lịch, rút lại yêu cầu đối với số tiền vay 20.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu đối với số tiền hui 40.200.000 đồng của dây hui 1.000.000 đồng, hui khai ngày 25/5/2019 âm lịch, rút lại yêu cầu đối với số tiền vay 20.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật và có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền hui 40.200.000 đồng của dây hui 1.000.000 đồng, hui khai ngày 25/5/2019 âm lịch và số tiền vay 20.000.000 đồng.

[7]. Về trách nhiệm liên đới: Nguyên đơn yêu cầu ông Dương Ngọc A cùng liên đới với bà Trần Thị T1 trả cho nguyên đơn số tiền hui còn nợ. Ông Ân đồng ý cùng bà T1 trả số tiền hui còn nợ cho nguyên đơn, vì bà T1 làm chủ hui hưởng huê hồng, số tiền đó bà T1 dùng để chăm lo cho gia đình. Căn cứ Điều 288 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Dương Ngọc A có trách nhiệm liên đới cùng bà Trần Thị T1 trả số tiền hui còn nợ cho nguyên đơn.

[8]. Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về quan điểm giải quyết án.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; 35; 39; 68; 92; 144; 147; 217, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 288, 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền hui 40.200.000 (bốn mươi triệu hai trăm nghìn) đồng của dây hui 1.000.000 (một triệu) đồng, hui khai ngày 25/5/2019 âm lịch và số tiền vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T.

Buộc bà Trần Thị T1, ông Dương Ngọc A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền 84.500.000 (tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T1, ông Dương Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.225.000 (bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Bà Phạm Thị T thuộc trường hợp miễn án nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật, nên không xem xét về tạm ứng án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- VKSND huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thi